

CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ISSN: 0866-7756

VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

SỐ 8 - THÁNG 7/2017



Website: <http://tapchicongthuong.vn>

MỤC LỤC

CONTENTS

ISSN: 0866-7756 **Số 8** - Tháng 7/2017

LUẬT

TRẦN THỊ TRÚC MINH

Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quảng cáo thực phẩm chức năng
Shortcomings and recommendations to improve the law on advertising of functional foods9

DOÃN HỒNG NHUNG - LƯƠNG THANH BÌNH

Một số trao đổi về phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học về Luật Doanh nghiệp tại Việt Nam
Exchanges on methodology and scientific research on Law on Enterprise Law in Vietnam15

TRẦN LƯƠNG ĐỨC

Một số vấn đề pháp lý về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
Legal issues on information disclosure on the stock market.....23

TÀO THỊ HUỆ

Hoàn thiện phương pháp giảng dạy hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế
tại Trường Đại học Luật Hà Nội
Perfecting the teaching methods of international trade contracts and international business transactions
at Hanoi Law University.....29

LÊ THỊ THẢO

Những bất cập của pháp luật về tự chủ đại học và yêu cầu hoàn thiện
The inadequacies of the law of university autonomy and the requirement for better reform.....35

NGUYỄN VĂN VIỆT

Bàn về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa
Discussing the settlement of disputes related to contracts for the sale of goods.....40

NGUYỄN VĂN VI

Giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Thực trạng và giải pháp thúc đẩy
Legal education in the Vietnam People's Army: Situation and solutions45

VŨ CÔNG GIAO

Những thuận lợi và thách thức với việc xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam
Building a constructive developmental state in Vietnam: Advantages and challenges.....54

VÕ THỊ KIM TUYẾN

Thực trạng các chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển dịch vụ môi trường của Việt Nam hiện nay
và một số kiến nghị
Current situation of policies and laws related to development of Vietnamese environment services
and a number of recommendations62

HUỖNH TẤN ĐẠT

Giải pháp phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội xâm phạm sở hữu ở Thành phố Hồ Chí Minh
Solutions to prevent teenagers committing property infringements in Ho Chi Minh City68

NGUYỄN VĂN NGHIỆP

Tội phạm có tổ chức và phòng ngừa tội phạm có tổ chức
Organized crime and measures to prevent organized crime.....75

KINH TẾ

HÀ QUANG THANH

Phân cấp và mối quan hệ giữa Trung ương với chính quyền địa phương trong phát triển bền vững
Decentralization and the relationship between central and local authorities in sustainable development.....82

ĐÀO HỒNG VÂN

Phân tích kết quả chi trả dịch vụ môi trường (PES) tại Việt Nam sau 10 năm thực hiện
Analysis of PES results in Vietnam after 10 years of implementation88

NGUYỄN QUYẾT THẮNG - LƯU HIẾU TRUNG

Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Long An
Improving provincial competitiveness index (PCI) of Long An Province.....93

NGUYEN TIEN HOANG

International market entrance through franchising: Experience of multinational corporations and lessons for Vietnamese enterprises
Thâm nhập thị trường quốc tế bằng hình thức nhượng quyền thương mại:
Kinh nghiệm của các công ty đa quốc gia và bài học cho doanh nghiệp Việt Nam101

NGUYỄN HUY HOÀNG

Chiến lược marketing nhằm thu hút đầu tư FDI của một số quốc gia, địa phương điển hình và bài học tham khảo cho tỉnh Hà Tĩnh
Marketing strategy to attract FDI: Models and lessons for Ha Tinh province.....108

NGUYỄN VĂN CƯỜNG - PHAN THỊ THU HƯỜNG - NGUYỄN THỊ THÙY LIÊN - LÊ KIM LIÊN - TÔN ANH HẢI

Phân tích lợi ích thiệt hại và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển đổi cây trồng từ cà phê sang hồ tiêu của nông hộ tại huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk
Analyzing the cost-benefit and factors influencing the farmers' decision to convert coffee to pepper crops in KrongBuk district, Dak Lak Province114

VÕ VĂN BÌNH

Thực trạng và giải pháp tăng cường nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế biển, đảo Việt Nam
The current situation and solutions to increase investment for the economic development of sea and islands in Vietnam...123

LÊ KIM LONG

Phân tích hiệu quả kinh tế - môi trường trong nuôi trồng thủy sản:
Trường hợp nghề nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Ninh Thuận
Analyzing the environmental and economic efficiency in the aquaculture industry:
The case of the intensive white-leg shrimp farming in Ninh Thuan Province.....129

NGUYỄN PHÙNG QUÂN

Nghiên cứu đánh giá thực trạng lao động việc làm của người dân tộc thiểu số
Studying the current employment situation of ethnic minority workers136

ĐẶNG THANH LIÊM

Nghiên cứu xây dựng marketing địa phương nhằm phát triển du lịch tỉnh Bến Tre
Doing local marketing to develop the tourism sector of Ben Tre Province.....142

TRAN HOAI NAM - NGUYEN VAN CUONG - DO MINH HOANG

The effects of drought in adaptability of farmers' agricultural production:

A case study of Ninh Thuan Province

Ảnh hưởng của hạn hán đến khả năng thích ứng của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp:

Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Ninh Thuận149

LÊ THỊ THU HƯƠNG

Phát triển Sở giao dịch hàng hóa nông sản ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

Developing the Commodity Exchange of Agricultural Products in Vietnam: Situation and solutions158

ĐỖ THỊ HÒA NHÃ

Các yếu tố tác động đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam vào thị trường EU: Cách tiếp cận từ mô hình trọng lực

The factors affecting Vietnam's agricultural exports to the European Union: A gravity model approach163

LÊ NGỌC THƠM

Cơ hội và thách thức trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam.....168

Opportunities and challenges for vietnam in attracting foreign direct investment

NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

Các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở vùng kinh tế đồng bằng sông Hồng

Factors influencing the attraction of foreign direct investment in the Red River Delta economic zone173

NGUYỄN THỊ DƯƠNG NGA

Giải pháp tăng cường liên kết trong tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ yếu tại tỉnh Ninh Bình

Solutions to enhance linkages in marketing of key agricultural and fishery products in Ninh Binh province184

TRẦN HOÀI NAM - NGUYỄN THỊ THU HÀ

Đánh giá khả năng thích ứng của nông hộ đối với xâm nhập mặn tại Cù Lao Dài, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

Evaluating the farmer's adaptability to saltwater intrusion in the Cu Lao Dai, Vung Liem district, Vinh Long province190

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

Chính sách của Liên bang Nga đối với ASEAN giai đoạn 2000 – 2014

Russian policy towards ASEAN in the period of 2000 – 2014.....196

QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ**VÕ VĂN DỨT**

Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu đào tạo của viên chức tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Factors that affect the training needs of officials in Cao Lanh District, Dong Thap Province202

NGUYỄN THỊ THU TRANG

Sinh viên thất nghiệp sau khi ra trường - Nguyên nhân và cách khắc phục

Unemployed students after graduation - Causes and Solutions208

LÊ HIẾU HỌC

Áp dụng TQM trong trường đại học: Vai trò của giảng viên và quan điểm chú trọng sinh viên

Applying TQM in the University: The Role of Lecturers and Student's Focuses.....214

NGÔ SỸ TRUNG

Phân tích một số ưu điểm và hạn chế trong thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tư nhân

Analyzing the advantages and disadvantages of private enterprises' implementation of corporate social responsibility ...220

HÀ NAM KHÁNH GIAO - TRƯƠNG NGỌC HƯƠNG

Sự hài lòng về chất lượng dịch vụ Khoa Nội tổng quát - Bệnh viện Chợ Rẫy

Satisfaction on service's quality of Department of General Internal - Chợ Rẫy Hospital225

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG CỦA NÔNG HỘ ĐỐI VỚI XÂM NHẬP MẶN TẠI CÙ LAO DÀI, HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

● TRẦN HOÀI NAM - NGUYỄN THỊ THU HÀ

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp chỉ số thích nghi cấp độ nông hộ (HACI) để đánh giá khả năng thích ứng với xâm nhập mặn của nông hộ. Đồng thời, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng đối với xâm nhập mặn bằng phương pháp ước lượng OLS. Số liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 150 hộ trên địa bàn Cù Lao Dài, huyện Vũng Liêm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khả năng thích ứng của nông hộ đạt được là 0,58 điều này có nghĩa là dưới tác động của xâm nhập mặn thì khả năng thích ứng của nông hộ nằm ở mức thích ứng trung bình. Khả năng thích ứng với xâm nhập mặn của nông hộ chịu ảnh hưởng của các biến trình độ học vấn, tuổi, giới tính, thu nhập và khoảng cách.

Từ khóa: Xâm nhập mặn, khả năng thích ứng, chỉ số thích ứng cấp độ nông hộ, Cù Lao Dài, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

I. Đặt vấn đề

Sản xuất nông nghiệp là một định hướng quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi được xem là vùng nông nghiệp trọng điểm của cả nước, đồng thời cũng được xem là nơi bị ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu. Sản xuất nông nghiệp trong vùng đang phải đối mặt với sự thay đổi thất thường của thời tiết nhất là tình trạng xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt và ảnh hưởng của triều cường, trong đó xâm nhập mặn đang diễn biến rất phức tạp và khó lường, đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân

(Nguyễn Thanh Bình, 2012; Phạm Thanh Vũ, 2016). Nhằm giảm thiểu thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp, người dân trong vùng bước đầu đã có những hoạt động thích ứng như sử dụng giống chịu mặn, thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, gia cố đê kè, đồng thời tăng cường các biện pháp kỹ thuật để chống sâu bệnh (Đặng Thị Hoa, 2015). Tuy vậy, đa số người dân đều có mức độ thích nghi với xâm nhập mặn rất thấp do họ bị hạn chế về năng lực thích ứng và thiếu nguồn lực để đương đầu với các rủi ro (Võ Văn Tuấn, 2014; Võ Thành Danh, 2015; Nguyễn Quốc Nghi, 2016).

Cù Lao Dài thuộc huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long là khu vực chịu tác động trực tiếp của tình trạng xâm nhập mặn. Hằng năm vào mùa khô, mặn xâm nhập làm ảnh hưởng đến năng suất cây ăn trái cũng như hoạt động nuôi trồng thủy sản trong vùng. Vì vậy, để giảm thiểu tác động, cũng như nâng cao khả năng thích ứng đối với xâm nhập mặn, việc đánh giá khả năng thích ứng ở cấp độ hộ là rất cần thiết nhằm xây dựng các chiến lược ứng phó. Nghiên cứu này được tiến hành với mục tiêu là đánh giá và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của nông hộ đối với xâm nhập mặn, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm hỗ trợ nông hộ tăng khả năng thích ứng với xâm nhập mặn.

II. Phương pháp nghiên cứu

1. Nguồn số liệu

Số liệu được thu thập từ 150 hộ tại Cù Lao Dài, huyện Vũng Liêm (1/2017). Đây là nơi bị ảnh hưởng nặng nề bởi xâm nhập mặn tại tỉnh Vĩnh Long. Số liệu cần thiết cho nghiên cứu này được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng câu hỏi đã được kiểm tra. Nội dung phỏng vấn gồm: Các thông tin chung về hộ, đặc điểm hộ, thông tin sản xuất của hộ, nhận thức của nông hộ đối với xâm nhập mặn, tác động của xâm nhập mặn đến đời sống và sản xuất của hộ. Ngoài ra, còn thu thập các thông tin thứ cấp từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm: Các tài liệu, các báo cáo, các nghiên cứu trong và ngoài nước được thu thập qua các nguồn khác nhau để phục vụ cho nghiên cứu.

2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

2.1. Chỉ số HACI

Thích ứng không phải là hành động chỉ diễn ra một lần mà là một quá trình lặp đi lặp lại liên tục theo thời gian. Do đó, lựa chọn các hoạt động thích ứng phù hợp với năng lực và bối cảnh địa phương là rất cần thiết ở cấp độ nông hộ cũng như cộng đồng (Đặng Thị Hoa, 2015). Để đo lường khả năng thích ứng đối với cấp nông hộ thì có thể dùng phương pháp thang điểm tổng hợp (Trương Thị Tư, 2016), chỉ số thích ứng cấp độ nông hộ (Võ Thành Danh, 2015). Trong nghiên cứu này, chỉ số thích ứng cấp độ nông hộ (HACI) được sử dụng để đo lường khả năng thích ứng của nông hộ. Chỉ số HACI được tính như sau:

$$HACI = \frac{\sum_{i=1}^n w_i S_i + \sum_{j=1}^o w_j E_j + \sum_{k=1}^p w_k P_k + \sum_{l=1}^q w_l N_l + \sum_{m=1}^r w_m I_m}{\sum_{i=1}^n w_i + \sum_{j=1}^o w_j + \sum_{k=1}^p w_k + \sum_{l=1}^q w_l + \sum_{m=1}^r w_m} \quad 5$$

Trong đó: n, o, p, q và r là tổng các số biến số trình bày lần lượt 5 nhóm yếu tố S_i , E_j , P_k , N_l , và I_m và w_i , w_j , w_k , w_l , và w_m lần lượt là các trọng số của các chỉ số S_i , E_j , P_k , N_l , và I_m . Các trọng số này sẽ được xác định cho mỗi chỉ số. Các trọng số này được xác định dựa trên sự xếp hạng ưu tiên về tầm quan trọng của những yếu tố trong việc xây dựng khả năng thích nghi của cộng đồng đối với tác động xâm nhập mặn (tiêu chuẩn xếp hạng theo thang đo Likert mức độ 4) và mức độ thiệt hại của các loại thiệt hại này gây ra.

Trong công thức HACI, chỉ số trung bình trọng số (Weighted Mean Index - WMI) sẽ được xác định cho từng biến số S, E, P, N, và I theo Bảng 1. Tiếp theo, chỉ số trung bình trọng số tổng (Aggregated Weighted Mean Index-AWMI) được xác định. Cuối cùng, chỉ số HACI được tính cho phân tích khả năng thích ứng cấp độ nông hộ. (Xem Bảng 1)

Sau khi tính toán các chỉ số thích nghi từng phần và chỉ số thích nghi tổng hợp cho từng nông hộ, các mức độ thích ứng tương ứng sẽ được phân loại như sau:

Bảng 2. Phân loại mức độ thích ứng của chỉ số HACI

Giá trị HACI	Khả năng thích ứng
Dưới 0,20	Thích nghi rất thấp
Từ 0,20 đến 0,40	Thích nghi thấp
Từ 0,40 đến 0,60	Thích nghi trung bình
Từ 0,60 đến 0,80	Thích nghi cao
Từ 0,80 đến 1,00	Thích nghi rất cao

2.2 Hàm hồi quy đa biến phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng thích ứng của nông hộ

Nghiên cứu tiếp tục xác định mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của nông hộ. Mô hình được thể hiện như sau:

$$HACI_i = f(X_i)$$

Bảng 1. Nội dung các chỉ số thành phần HACI

Yếu tố đo lường khả năng thích nghi	Nội dung yếu tố (biến số)	Tên biến
Yếu tố xã hội (S)	- Tỷ số phụ thuộc - Trình độ học vấn - Ý thức, thái độ đối phó với thiên tai	S1 S2 S3
Yếu tố kinh tế (E)	- Tổng thu nhập của nông hộ - Khả năng tiếp cận tài chính của nông hộ - Tài sản của nông hộ	E1 E2 E3
Yếu tố thực địa (P)	- Khoảng cách so với bờ biển, bờ sông - Mức phát triển và hiệu quả của các công trình thủy lợi chống mặn	P1 P2
Yếu tố tự nhiên (N)	- Phân vùng (0: giáp biển, 1: không giáp biển) - Vùng nhiễm mặn (0: quanh năm, 1: 6 tháng trong năm)	N1 N2
Yếu tố định chế, thể chế (I)	- Khả năng tiếp cận thông tin (hệ thống cảnh báo sớm) - Sự quan tâm của nhà nước - Sự quan tâm của đoàn thể	I1 I2 I3

Trong đó:

HACI: Khả năng thích ứng với xâm nhập mặn (%), có giá trị từ 0 đến 1. Do đó, biến phụ thuộc có thể được coi là bị chặn từ 0 đến 1. Các biến độc lập được xác định bao gồm: Trình độ học vấn của người ra quyết định chính trong hộ (Số năm đi học); Độ tuổi của người ra quyết định chính trong hộ (Năm); Giới tính của người ra quyết định chính trong hộ (biến giả - 0 là nữ và 1 là nam); Số lao động phi nông nghiệp (Người); Diện tích sản xuất nông nghiệp (m²); Thu nhập từ nông nghiệp (triệu đồng/hộ/năm); trồng trọt (biến giả - 1 là hộ trồng cây ăn trái, 0 là hộ chăn nuôi); khoảng cách từ khu vực canh tác đến sông (km).

Mô hình được thể hiện như sau:

$$HACI = \beta_0 + \beta_1 HOCVAN + \beta_2 TUOI + \beta_3 GIOITINH + \beta_4 LAODONG + \beta_5 DIENTICH + \beta_6 THUNHAP + \beta_7 TRONGTROT + \beta_8 KHOANGCACH + \varepsilon_t$$

III. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

1. Nhận thức của nông hộ về xâm nhập mặn

1.1. Đặc điểm hộ điều tra

Đặc điểm của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu được trình bày ở Bảng 3. Kết quả thống kê cho

thấy đối tượng khảo sát khá đa dạng và phong phú về tuổi tác cũng như trình độ học vấn. Độ tuổi trung bình của chủ hộ vào khoảng 48 tuổi (trong đó mức tuổi từ 40 đến 60 tuổi chiếm tỷ trọng cao nhất 55,33%), ở độ tuổi này nông hộ vẫn còn đủ sức khỏe để trực tiếp tham gia sản xuất. Trình độ học vấn của nông hộ chủ yếu là trung học cơ sở (36,67%) và trung học phổ thông (32,67%), điều này tạo ra nhiều thuận lợi cho việc nắm bắt thông tin, cũng như đưa ra những quyết định quan trọng trong ứng phó với tình trạng xâm nhập mặn. Quy mô nhân khẩu trung bình của hộ là 4 người (61,33%), diện tích canh tác của hộ là tương đối thấp, số hộ có diện tích ≤ 5.000 m² chiếm tỷ trọng lớn nhất (58%). (Xem Bảng 3)

1.2. Nhận thức của nông hộ về xâm nhập mặn

Xâm nhập mặn là quá trình thay thế nước ngọt trong các tầng chứa nước ở ven biển bằng nước mặn. Trong 150 hộ được khảo sát thì có đến 125 hộ (83,33%) biết đến thực trạng xâm nhập mặn, điều này cho thấy nhận thức về xâm nhập mặn là một yếu tố rất quan trọng hỗ trợ nông dân trong ứng phó với xâm nhập mặn. (Xem Bảng 4)

Bảng 4. Nhận thức về xâm nhập mặn trong năm 2015-2016

Xâm nhập mặn	Tần số (Hộ)	Tỷ trọng (%)
Có biết	125	83,33
Không biết	25	16,67
Tổng	150	100

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2017

Cù Lao Dài được biết đến là miền đất chịu tác động trực tiếp của xâm nhập mặn và tình trạng xâm nhập mặn đang diễn biến theo chiều hướng phức tạp tại địa phương. Đánh giá diễn biến xâm nhập mặn của nông hộ ở Bảng 5 cho thấy xâm nhập mặn là rất không bình thường (82,67%). Sự

Bảng 3. Thông tin chung về đối tượng phỏng vấn

Chỉ tiêu	Tần số (Hộ)	Tỷ trọng (%)
1. Giới tính chủ hộ		
Nam	97	64,67
Nữ	53	35,33
2. Tuổi chủ hộ		
<=30 tuổi	4	2,67
30 tuổi - 40 tuổi	21	14,00
40 tuổi - 50 tuổi	36	24,00
50 tuổi - 60 tuổi	47	31,33
>60 tuổi	42	28,00
3. Trình độ học vấn		
Mù chữ	10	6,67
Tiểu học	31	20,67
Trung học cơ sở	55	36,67
Trung học phổ thông	49	32,67
Cao đẳng - Đại học	5	3,33
4. Qui mô hộ		
<= 2 người	16	10,67
Từ 2 - 4 người	92	61,33
Từ 4 - 6 người	35	23,33
> 6 người	7	4,67
5. Quy mô sản xuất		
<= 5000 m ²	87	58,00
Từ 5000 - 10000 m ²	40	26,67
Từ 10000 - 15000 m ²	15	10,00
Từ 15000 - 20000 m ²	5	3,33
> 20000 m ²	3	2,00
Tổng	150	100,00

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2017

xuất hiện của nước mặn đột ngột và không theo quy luật hằng năm đã làm cho các hộ không xử lý kịp gây khó khăn trong sinh hoạt cũng như chăn nuôi và trồng trọt. (Xem Bảng 5)

2. Đánh giá khả năng thích ứng của nông hộ đối với xâm nhập mặn

Sử dụng chỉ số thích ứng (HACI) cho cấp nông hộ, giá trị của chỉ số thích ứng nằm trong khoảng từ

Bảng 5. Diễn biến của xâm nhập mặn

Khoản mục	Tần số (Hộ)	Tỷ trọng (%)
Rất bình thường	0	0,00
Khá bình thường	18	12,00
Bình thường	8	5,33
Khá không bình thường	79	52,67
Rất không bình thường	45	30,00
Tổng	150	100

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2017

0 - 1. Nghiên cứu đã ước tính khả năng thích ứng của nông hộ đối với xâm nhập mặn tại Bảng 6. Theo đó, giá trị trung bình của chỉ số HACI là 0,58 điều này có nghĩa là dưới tác động của xâm nhập mặn thì khả năng thích ứng của nông hộ nằm ở mức thích ứng trung bình.

Bảng 6. Khả năng thích ứng (HACI) của hộ gia đình

Chỉ tiêu	Cỡ mẫu	Số trung bình	Số nhỏ nhất	Số lớn nhất
HACI	150	0,58	0,28	0,95

Nguồn: Số liệu điều tra, 2017

Kết quả phân tích sâu hơn ở Bảng 7 chỉ ra rằng, đa số nông hộ thích ứng ở mức độ trung bình là 41,33% và 42,67% là thích ứng cao. Như vậy, đã có một sự phân hóa rất rõ rệt trong khả năng thích ứng của nông hộ, điều này có thể được giải thích bởi sự khác biệt của các yếu tố kinh tế - xã hội (thu nhập, việc làm, chi tiêu, khả năng tiếp cận tài chính...) có giá trị thấp trong thang đo năng lực thích ứng.

Bảng 7. Phân nhóm khả năng thích ứng (HACI) của hộ gia đình

Khả năng thích nghi	Giá trị HACI	Tần số (hộ)	Tần suất (%)
Thích ứng rất thấp	Dưới 0,20	0	0,00
Thích ứng thấp	Từ 0,20 đến 0,40	15	10,00
Thích ứng trung bình	Từ 0,41 đến 0,60	62	41,33
Thích ứng cao	Từ 0,61 đến 0,80	64	42,67
Thích ứng rất cao	Từ 0,81 đến 1	9	6,00

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2017

3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của nông hộ đối với xâm nhập mặn

Kết quả phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ thích ứng được trình bày trong Bảng 8. Kết quả phân tích hồi quy chỉ ra mức ý nghĩa của mô hình nghiên cứu Prob (F - stat) = 0,000 nhỏ hơn rất nhiều so với mức $\alpha = 5\%$, nên mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê hay các biến độc lập có ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với xâm nhập mặn của nông hộ. Hệ số R² của mô hình là 65,5%, cho thấy sự biến thiên của khả năng thích ứng với xâm nhập mặn được giải thích bởi các biến độc lập là 65,5%.

Bảng 8. Kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng

Biến giải thích	Hệ số hồi quy	t-Statistic	P-value
Hằng số	0,303		
Trình độ học vấn	0,013**	2,259	0,025
Tuổi	0,105***	7,159	0,000
Giới tính	0,068***	2,980	0,003
Lao động	0,010ns	0,835	0,405
Diện tích	-0,067***	-4,064	0,000
Thu nhập	0,080***	4,653	0,000
Trồng trọt	-0,002ns	-0,422	0,673
Khoảng cách	0,135***	6,921	0,000
F test	33,469		
R-squared	0,655	Durbin – Waston stat	1,66

Nguồn: Số liệu phân tích từ số liệu điều tra, 2016

Ghi chú: Biến phụ thuộc chỉ số thích ứng (HACI); ***, **, * lần lượt là mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%; ns không có ý nghĩa thống kê.

Kết quả phân tích ở Bảng 8 cho thấy các biến tuổi, giới tính, diện tích, thu nhập và khoảng cách có ý nghĩa thống kê ở mức 1%; biến trình độ học

vấn có ý nghĩa thống kê ở mức 5%; biến lao động và biến trồng trọt không có ý nghĩa thống kê trong mô hình. Mô hình hồi quy được thiết lập như sau:

$$HACI = 0,303 + 0,013*HOCVAN + 0,105*TUOI + 0,067*GIOITINH + 0,010*LAODONG - 0,067*DIENTICH + 0,080*THUNHAP - 0,002*TRONGTROT + 0,135*KHOANGCACH$$

Việc nhận ra các nhân tố tác động đến khả năng thích ứng có ý nghĩa rất quan trọng nhằm tìm kiếm các giải pháp phù hợp để hạn chế rủi ro và nâng cao khả năng chống chịu với xâm nhập mặn. Trong mô hình này, khả năng thích ứng của nông hộ tăng lên đối với các biến như trình độ học vấn, tuổi, giới tính, thu nhập và khoảng cách. Tuy nhiên, những nông hộ có diện tích canh tác lớn lại có khả năng thích ứng thấp hơn những hộ có ít đất canh tác.

IV. Kết luận

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chỉ số thích ứng (HACI) để tính toán khả năng thích ứng của nông hộ đối với xâm nhập mặn. Kết quả tính toán cho thấy, đa số nông hộ có khả năng thích ứng trung bình với chỉ số HACI là 0,58. Kết quả phân tích cũng chỉ ra các yếu tố như trình độ học vấn, tuổi, giới tính, thu nhập và khoảng cách là những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của nông hộ.

Từ kết quả nghiên cứu trên, để cải thiện khả năng thích ứng của nông hộ với xâm nhập mặn, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị đối với nông hộ như là thay đổi lịch thời vụ, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng lâu dài trong điều kiện xâm nhập mặn. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần có chương trình cải thiện nhận thức về xâm nhập mặn cho nông dân, đồng thời tăng cường đầu tư vào các công trình có chức năng chống xâm nhập mặn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đặng Thị Hoa, Quyền Đình Hà, 2014. Thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp của người dân ven biển huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Tạp chí Khoa học và Phát triển, 12 (6), 885 - 894.
2. Đặng Thị Hoa, Quyền Đình Hà, 2015. Cơ sở lý luận và thực tiễn về sự thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp của người dân ven biển. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, 1, 116 - 124.
3. Nguyễn Quốc Nghi, 2016. Đánh giá sự tổn thương do biến đổi khí hậu tác động đến sinh kế của công đồng dân cư ven biển tỉnh Cà Mau. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, 4, 133 - 141.

4. Nguyễn Thanh Bình, Lâm Huân và Thạch Sô Phan, 2012. Đánh giá tổn thương có sự tham gia: Trường hợp xâm nhập mặn ở đồng bằng Cửu Long. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ*, 24b, 229 - 239.

5. Phạm Thanh Vũ, Võ Quang Minh, Vương Tuấn Huy và Phan Chí Nguyễn, 2016. Tác động của mặn và ngập theo kịch bản biến đổi khí hậu đến tiềm năng thích nghi đất đai vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ*, 4, 71 - 83.

6. Võ Thành Danh, 2015. Đánh giá năng lực thích nghi đối với xâm nhập mặn trong sản xuất nông nghiệp tại các vùng ven biển tỉnh Trà Vinh. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ*, 36, 64 - 71.

7. Võ Văn Tuấn, Lê Cảnh Dũng, Võ Văn Hà và Đặng Kiều Nhân, 2015. Khả năng thích ứng của nông dân đối với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ*, 31, 63 - 72.

8. Trương Thị Tư, 2016. Đánh giá mức độ thích ứng với biến đổi khí hậu của một số mô hình sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng ven biển huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục - Trường Đại học Huế*, 3 (39), 117 - 124.

Ngày nhận bài: 30/5/2017

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 10/6/2017

Ngày chấp nhận đăng bài: 20/6/2017

Thông tin tác giả:

1. ThS. TRẦN HOÀI NAM

Bộ môn Kinh tế nông lâm - Khoa Kinh tế - Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh

Email: hoainam@hcmuaf.edu.vn

2. NGUYỄN THỊ THU HÀ

SV ngành Kinh doanh nông nghiệp khóa 40 - Khoa Kinh tế

Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh

Email: ngthuha1809@gmail.com

EVALUATING THE FARMERS ADAPTABILITY TO SALTWATER INTRUSION IN THE CU LAO DAI, VUNG LIEM DISTRICT, VINH LONG PROVINCE

● **MA. TRAN HOAI NAM**

Agricultural Economics Program, Faculty of Economics, Nong Lam University

● **NGUYEN THI THU HA**

Student K40, Faculty of Economics, Nong Lam University

ABSTRACT:

In this study, the household adaptive capacity index (HACI) was employed to measure the adaptability of farmers to the saltwater intrusion. In order to measure the effects of the adaptability of farmers, OLS regression was used to estimate. The data were collected by interviewing 150 farmers in the Cu Lao Dai, Vung Liem district. Results showed that the adaptability of farmers to the saltwater intrusion index was 0,58. This means that the adaptability of farmers to the saltwater intrusion is at a moderate level. The adaptability of farmers affected by household education, age, gender, income and farm distance.

Keywords: Salinity intrusion, adaptability, farm level adaptation index, Cu Lao Long, Vung Liem district, Vinh Long Province.